TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
Chia tài sản khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Phiên;

2. Bà Bùi Thị Hải Đường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXX ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim T, sinh năm: 1981; địa chỉ: Số 27, tổ 22, ấp Khởi Hà, xã Cầu Khởi, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Dương Minh H, sinh năm: 1971; địa chỉ: Số 27, tổ 22, ấp Khởi Hà, xã Cầu Khởi, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 02 năm 2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày:

Chị và anh H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2008, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cầu Khởi, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc. Nhưng từ năm 2012 đến nay phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H quay về với người vợ cũ, chị đã khuyên anh H nhiều lần nhưng anh vẫn vậy. Hiện

nay anh H đi lại công khai với vợ cũ. Mỗi lần đi uống rượu về nghe lời bạn bè lại đánh chị. Chị và anh H đã ly thân hơn một năm nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Dương Minh M, sinh ngày: 12-6-2008. Hiện nay con chung đang ở cùng anh chị. Ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh H nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01-8-2019 cho đến khi con chung thành niên, tự lao động sinh sống được. Chị được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng bị đơn anh Dương Minh H trình bày:

Anh và chị T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2008, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cầu Khởi. Anh và chị T sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T mê cờ bạc. Anh chị đã ly thân hơn một năm nay. Anh đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện chị T phải chia căn nhà cho anh.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Dương Minh M, sinh ngày: 12-6-2008. Hiện nay con chung đang ở cùng anh chị. Ly hôn anh xin nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Ngày 19-3-2019, anh H làm đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng là căn nhà tường xây trên đất của chị T trị giá khoảng 100.000.000 đồng, mỗi người hưởng ½ trị giá khoảng 50.000.000 đồng. Nhà giao cho chị T sử dụng, anh nhận tiền 50.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng không có lý do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh H đã được Tòa án Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt anh H theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh H xác định tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2008, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cầu Khởi. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Anh chị đều xác định vợ chồng sống không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân hơn một năm nay. Chị T xin ly hôn anh H cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng chị T, anh H không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ vợ chồng. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tuyến với anh Hà.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Dương Minh M, sinh ngày: 12-6-2008. Ly hôn anh H xin nuôi con chung, chị T đồng ý giao con chung cho anh H nuôi dưỡng. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nhưng tại phiên tòa chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01-8-2019 cho đến khi con chung thành niên, tự lao động sinh sống được. Nguyện vọng của cháu Dương Minh M, sinh ngày: 12-6-2008 là được ở với cha. Hội đồng xét xử giao con chung cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Chị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng chị không đồng ý vì căn nhà là tài sản riêng của chị. Anh H xác định có tài sản chung là căn nhà xây trên đất của chị T trị giá khoảng 100.000.000 đồng. Anh H yêu cầu chia đôi, nhà giao chị T sử dụng, chị T giao lại cho anh H 50.000.000 đồng. Tòa án đã mời anh H nhiều lần lên Tòa để giải quyết chia tài sản khi ly hôn nhưng anh H không lên. Hội đồng xét xử xét thấy anh H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ một phần vụ án đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Anh H được quyền khởi kiện lại vụ án theo Khoản 1, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp được sung vào công quỹ nhà nước.

[6] Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu có ý kiến: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H; Về con chung: Giao con

chung cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nhưng tại phân tòa chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng nên ghi nhận. Chị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở; Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của anh H. Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí chị T phải chịu theo quy định của pháp luật. Tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp được sung vào công quỹ nhà nước.

[8] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị T là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng chị T phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp được sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kim T đối với anh Dương Minh H.

Chị Lê Thị Kim T được ly hôn với anh Dương Minh H.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Dương Minh M, sinh ngày: 12-6-2008. Giao con chung cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01-8-2019 cho đến khi con chung thành niên, tự lao động sinh sống được. Chị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản khi ly hôn giữa anh H với chị T. Anh H được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo Khoản 1, Điều 218 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

4. Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

- Chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng chị T phải chịu 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng án phí nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị T đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng

theo biên lai thu số 0011448 ngày 01-3-2019 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị T còn phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí.

- Tiền tạm ứng án phí anh Dương Minh H đã nộp 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0011629 ngày 19-4-2019 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh được sung vào công quỹ nhà nước.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. Huyện Dương Minh Châu;
- CCTHADS. Huyện Dương Minh Châu;
- UBND. Xã Cầu Khởi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Thị Bích Hằng